

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28-01-2021

V/v ly hôn và xác nhận cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 56/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc “ly hôn và xác nhận cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 3564/TB-TA ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị A, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn X, xã Y huyện Z, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Bị đơn: Anh CHA JONG B, sinh năm 1974; nơi cư trú 27-16Wonl, Deou, Jeon, Jel, Hàn Quốc; vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lương Việt C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn TT, xã KG, huyện Y, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Dương Thị A trình bày:

Chị Dương Thị A và anh CHA JONG B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có giấy đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu vào ngày 25 tháng 12 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở Việt Nam được một thời gian ngắn sau đó anh CHA JONG B về nước để làm thủ tục bảo lãnh cho chị A sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ nhưng do điều kiện kinh tế không đảm bảo đến nay vẫn chưa bảo lãnh được, dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, lối sống. Nay xác định tình cảm đã hết, khả năng đoàn tụ không còn, chị A yêu cầu Tòa án được ly hôn với anh CHA JONG B.

Về con chung: Chị A và anh CHA JONG B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong thời gian xa cách với anh CHA JONG B, chị A nảy sinh tình cảm với anh Lương Việt C và có 01 con chung tên dự đặt là Lương Phúc K, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2017 theo giấy chứng sinh số 000506 ngày 13/01/2017 của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng. Nay chị A yêu cầu Tòa án xác định anh Lương Việt C là cha đẻ của cháu Lương Phúc K do chị A sinh ra và yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định gen giữa anh Lương Việt C và cháu Lương Phúc K.

Về tài sản chung: Chị Dương Thị A và anh CHA JONG B không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh CHA JONG B:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nội dung câu hỏi yêu cầu anh CHA JONG B trả lời để cung cấp thông tin cho Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 14/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 3077/BTP-PLQT ngày 30/11/2020 của Bộ Tư pháp cho biết, Cơ quan có thẩm quyền của Đại Hàn Dân Quốc không thực hiện được ủy thác tư pháp với lý do không có người nhận tại địa chỉ tổng đạt. Sau đó, Tòa án đã có văn bản đề nghị đăng tải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lương Việt C trình bày như sau:

Năm 2016, anh có quen biết và có quan hệ tình cảm với chị Dương Thị A, sinh năm 1993; nơi cư trú Thôn X, xã Y huyện Z, thành phố Hải Phòng. Sau đó, anh và chị A có con chung với nhau là cháu Lương Phúc K, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2017. Nay chị A yêu cầu Tòa án xác định anh Lương Việt C là cha đẻ của cháu Lương Phúc K do chị A sinh ra, anh đồng ý.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Dương Thị A và anh CHA JONG B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có giấy đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu vào ngày 25 tháng 12 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị A được ly hôn anh CHA JONG B. Về con chung và về tài sản chung: Chị A khai chị và anh CHA JONG B không có, không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về yêu cầu xác nhận cha cho con: Căn cứ vào các bản tự khai, Kết luận giám định gen, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị A, xác nhận anh Lương Việt C là bố đẻ của cháu Lương Phúc K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và xác nhận cha cho con. Bị đơn anh CHA JONG B hiện đang sinh sống ở Hàn Quốc, nguyên đơn chị Dương Thị A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Dương Thị A và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lương Việt C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh CHA JONG B vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc ủy thác tư pháp để tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh CHA JONG B theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị A, anh Lương Việt C, anh CHA JONG B theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm c khoản 6 Điều 477 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị A và anh CHA JONG B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có giấy đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu vào ngày 25 tháng 12 năm 2014 là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo lời khai của chị A: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở Việt Nam được một thời gian ngắn sau đó anh CHA JONG B về nước để làm thủ tục bảo lãnh cho chị A sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ nhưng do điều kiện kinh tế không đảm bảo đến nay vẫn chưa bảo

lãnh được, dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, lối sống. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Dương Thị A và anh CHA JONG B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Dương Thị A.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị A khai vợ chồng không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Dương Thị A khai vợ chồng không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về việc xác nhận cha cho con: Theo yêu cầu của chị Dương Thị A, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với việc giám định Gen của anh Lương Việt C và cháu Lương Phúc K (tên dự đặt). Tại Kết luận giám định số 16A/2020/GĐSH ngày 20/3/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận anh Lương Việt C là bố đẻ của cháu dự định đặt tên là Lương Phúc K. Xét thấy cháu Lương Phúc K (tên dự đặt) được chị Dương Thị A sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh CHA JONG B nhưng thời gian này chị A và anh CHA JONG B không còn quan hệ tình cảm và cũng không còn liên lạc với nhau. Chị Dương Thị A và anh Lương Việt C đều xác nhận cháu Lương Phúc K là con đẻ của hai anh chị. Mặt khác căn cứ vào các bản tự khai, Kết luận giám định gen, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị A, xác nhận anh Lương Việt C là bố đẻ của cháu Lương Phúc K.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Chị Dương Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật. Yêu cầu xác nhận cha cho con của chị A thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm b, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên chị không phải chịu án phí về việc xác nhận cha cho con.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị A và anh CHA JONG B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 4 Điều 477, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm điểm b khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị A được ly hôn anh CHA JONG B.

2. Về con chung: Chị Dương Thị A khai chị và anh CHA JONG B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Dương Thị A khai chị và anh CHA JONG B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về yêu cầu xác nhận cha cho con: Xác nhận anh Lương Việt Cường là cha đẻ của cháu Lương Phúc K (tên dự kiến làm giấy khai sinh) được chị Dương Thị A sinh ngày 08 tháng 01 năm 2017 theo giấy chứng sinh số 000506 ngày 13/01/2017 của Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp:

Chị Dương Thị A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008513 ngày 05 tháng 3 năm 2020. Chị Dương Thị A phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) chi phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu số 0008518 ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Dương Thị A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp.

Chị Dương Thị A không phải nộp tiền án phí sơ thẩm về việc xác nhận cha cho con.

Chị Dương Thị A có nghĩa vụ nộp tiền lệ phí ủy thác tổng đạt bản án ra nước ngoài tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Tòa án thực hiện việc tổng đạt bản án ra nước ngoài sau khi nhận được biên lai thu tiền lệ phí ủy thác do đương sự nộp.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Dương Thị A và anh Lương Việt C (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh CHA JONG B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

